

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/DS-PT
Ngày: 07-5-2020
V/v tranh chấp vay tài sản và
Kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hàng Lâm Viên**

Các Thẩm phán:

Ông **Võ Minh Công**

Ông **Nguyễn Văn Được**

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Mai Như Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận:

Ông Nguyễn Văn Thắng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2020 tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2019/TLPT-DS ngày 27 tháng 12 năm 2019 về “*Tranh chấp vay tài sản*” và “*Kiện đòi tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 32/2019/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 26/2020/QĐ-PT ngày 17 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm: 1968, có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Số 07 đường L, khóm 1, thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn:

- Ông Trương K, sinh năm: 1957, vắng mặt tại phiên tòa

- Bà Phương Huỳnh Thị T, sinh năm: 1963, có mặt tại phiên tòa

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trương K: Bà Phương Huỳnh Thị T theo Giấy ủy quyền được công chứng số 119, quyển số 01 SCT/CK ngày 04/5/2020 tại Văn phòng Công chứng Cao Nguyên.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn – bà Trần Thị H trình bày:

Bà Trần Thị H (bà H) quen biết ông Trương K (ông K) thông qua mạng xã hội Facebook từ năm 2016, nên hai bên nảy sinh tình cảm. Cuối tháng 10/2016, bà đến tỉnh Ninh Thuận gặp ông K và có mang theo 02 chiếc điện thoại di động, một trong số đó là chiếc Oppo F1S, ông K ngỏ ý mượn điện thoại và bà đồng ý, sau đó bà trở về Vĩnh Long. Đến cuối tháng 02/2017, bà H trở lại Ninh Thuận yêu cầu ông K trả điện thoại nhưng ông K nói để ở nhà cho vợ là bà Phương Huỳnh Thị T sử dụng và hẹn lần sau gặp sẽ trả. Ông K nhiều lần gọi điện hỏi mượn tiền để tiêu xài cá nhân, tổng cộng bà đã chuyển khoản cho ông K 20.000.000đ. Ông K trả cho bà 5.000.000đ, bà H yêu cầu vợ chồng ông K phải cùng có trách nhiệm trả cho bà 15.000.000đ.

Điện thoại di động Oppo F1S ông K mượn đã bị hỏng nên bà H yêu cầu ông K, bà T phải trả cho bà chiếc điện thoại mới hoặc dòng Oppo mới nhất trên thị trường hiện nay. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H yêu cầu ông K, bà T trả giá trị điện thoại là 5.990.000đ.

Ông K, bà T nhờ bà H mua giúp một số thực phẩm, quần áo,... tổng số tiền 21.440.000đ cùng cước phí vận chuyển 1.500.000đ, tổng cộng là 22.940.000đ.

Nay bà yêu Hằng cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trương K và bà Phương Huỳnh Thị T phải cùng có nghĩa vụ trả cho bà 15.000.000đ; Trị giá chiếc điện thoại Oppo F1S là 5.990.000đ; Tiền mua thực phẩm, quần áo... là 22.940.000đ (bao gồm cả cước phí).

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – ông Trương K trình bày:

Ông Trương K (ông K) xác nhận bà Trần Thị H tự nguyện gửi cho ông 20.000.000đ, ông K đã trả 5.000.000đ, số tiền 15.000.000đ ông đề nghị được trả dần.

Chiếc điện thoại Oppo F1S do bà H tự nguyện tặng ông để hai bên liên lạc với nhau nên ông không đồng ý trả giá trị điện thoại theo yêu cầu của bà H; hơn nữa điện thoại này vẫn sử dụng được và hiện ông đã gửi trả cho bà H.

Đối với số tiền mua đồ: Đây là số hàng hóa bà H tự nguyện cho vợ chồng ông nên ông không đồng ý trả số tiền này. Những đồ bà H mua cho ông (quần áo, nịt,...) ông đã trả lại một phần cho bà H.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn – bà Phương Huỳnh Thị T trình bày:

Bà thừa nhận như lời trình bày của ông Trương K. Số tiền 20.000.000đ bà H cho ông K mượn, bà T có nghe ông K kể lại; ông K đã trả 5.000.000đ, còn lại 15.000.000đ bà T đồng ý cùng ông K trả cho bà H nhưng xin được trả dần.

Điện thoại Oppo F1S do bà H tự nguyện tặng ông K để hai người liên lạc với nhau, hiện ông K đã trả lại điện thoại cho bà H. Bà T không sử dụng nên không đồng ý yêu cầu này của bà H.

Hàng hóa bà H tự nguyện mua tặng cho ông K, một số bà H nói để làm từ thiện. Bà T và ông K đã từ chối nhận nhưng bà H vẫn tiếp tục gửi. Bà T và ông K đã gửi trả bà H một số vật dụng nên bà T không đồng ý trả số tiền mua hàng như bà H yêu cầu.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 32/2019/DS-ST ngày 11/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H.

1. Buộc bị đơn ông Trương K và bà Phương Huỳnh Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị H số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị H về việc buộc ông Trương K và bà Phương Huỳnh Thị T phải trả số tiền 5.990.000đ trị giá chiếc điện thoại F1S và 22.940.000đ tiền mua đồ.

Trả lại cho bà Trần Thị H 01 hộp đựng điện thoại có dòng chữ “Oppo”, bên trong có 01 điện thoại di động hiệu Oppo đã qua sử dụng, chưa kiểm tra bên trong máy, có đóng dấu niêm phong của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận theo biên bản giao nhận ngày 31/5/2019, Tòa án sẽ giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận để trả lại cho bà Trần Thị H.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 21/11/2019, nguyên đơn bà Trần Thị H kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 32/2019/DS-ST ngày 11/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông Trương K và bà Phương Huỳnh Thị T phải trả cho bà giá trị chiếc điện thoại di động Oppo F1S mà bà đưa cho ông K, bà T sử dụng là 5.990.000đ và tiền mua đồ (có bao gồm cước phí vận chuyển) là 22.940.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng theo quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của các

đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Bà H không chứng minh được ông K mượn điện thoại di động của bà để sử dụng. Bà H thừa nhận tự nguyện giao điện thoại di động cho ông K sử dụng để hai người liên lạc với nhau nên đề nghị Tòa án bác nội dung kháng cáo này của bà H.

+ Số tiền bà H cho rằng ông K, bà T nhờ bà mua hàng nhưng bà H cũng không chứng minh được; Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Nguyên đơn bà Trần Thị H kháng cáo đúng thời hạn và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại các Điều 272, 273 và 276 BLTTDS nên kháng cáo của bà H được Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn ông Trương K vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền nên căn cứ khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Bà Trần Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; xác định kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đối với hai yêu cầu khởi kiện không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là trả giá trị điện thoại và tiền mua hàng hóa. Các đương sự không thỏa thuận giải quyết vụ án.

[2] Xét kháng cáo của bà Trần Thị H

[2.1] Đối với yêu cầu ông Trương K và bà Phương Huỳnh Thị T phải trả cho bà H giá trị chiếc điện thoại di động Oppo F1S là 5.990.000đ.

Trên tinh thần tự nguyện, bà Trần Thị H giao cho ông Trương K chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F1S để sử dụng liên lạc với bà H trong quá trình hai người quen biết nhau và nảy sinh tình cảm. Bà H cho rằng bà cho ông K mượn điện thoại nhưng không có chứng cứ chứng minh. Thời điểm xảy ra tranh chấp, ông K đã trả điện thoại nhưng bà H không nhận vì cho rằng điện thoại đã bị hư hỏng. Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, bà H không yêu cầu định giá hay giám định để chứng minh cho lập luận của mình. Tòa án cấp phúc thẩm đánh giá chứng cứ, xác định chiếc điện thoại Oppo F1S bà H chuyển giao quyền sử dụng cho ông K không thông qua hợp đồng mượn tài sản nên Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ. Tòa án không chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà H.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tiếp nhận chiếc điện thoại di động do ông K giao nộp là không đúng chức năng, thẩm quyền trong tố tụng dân sự dẫn đến trong phần quyết định của bản án tuyên bác yêu cầu của bà H được nhận giá trị của chiếc điện thoại nhưng đồng thời tuyên trả cho bà H 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo đã qua sử dụng và tuyên Tòa án sẽ giao cho Chi cục Thi hành án huyện N để trả cho bà H là sai; Tòa sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[2.2] Đối với yêu cầu ông Trương K và bà Phương Huỳnh Thị T phải trả cho bà tiền mua đồ (có bao gồm cước phí vận chuyển) là 22.940.000đ.

Bà Trần Thị H tranh luận cho rằng ông K, bà T nhờ bà mua hàng hóa và gửi qua dịch vụ chuyển phát nhưng bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh trong khi ông K, bà T cho rằng bà H tự nguyện gửi, cho. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà H là có căn cứ nên Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu kháng cáo này của bà H.

[2.3] Đối với khoản tiền vay, các đương sự không kháng cáo nên có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm nhưng không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận nên bà H phải chịu án phí phúc thẩm. Phần yêu cầu của bà H không được Tòa án chấp nhận là 28.930.000đ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc bà H chịu 1.147.000đ. Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên Tòa án cấp phúc thẩm không điều chỉnh phần án phí. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Vì các lẽ trên, căn cứ Điều 308 khoản 1 của Bộ luật tố tụng dân sự; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 32/2019/DS-ST ngày 11/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 38, các Điều 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 166 khoản 1, Điều 357 khoản 2, Điều 463, Điều 466 khoản 1, Điều 469 khoản 1 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bà Trần Thị H.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H. Buộc bị đơn ông Trương K và bà Phương Huỳnh Thị T phải có nghĩa vụ liên đới không phân chia phần trả cho bà Trần Thị H số tiền 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*).

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị H kiện ông Trương K và bà Phương Huỳnh Thị T phải trả số tiền 5.990.000 đồng (trị giá chiếc điện thoại F1S) và 22.940.000 đồng tiền mua hàng hóa.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

- Bà Trần Thị H phải chịu 1.147.000đ án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào 1.048.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018646 ngày 29/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N; Bà Trần Thị H còn phải nộp 99.000đ (*Chín mươi chín ngàn đồng*) án phí sơ thẩm.

- Ông Trương K và bà Phương Huỳnh Thị T phải liên đới không phân chia phần chịu 750.000đ (*Bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019914 ngày 21/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N; Bà H đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 07/5/2020)/.

Nơi nhận:

- TAND huyện N;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA;
- Phòng HCTP;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hàng Lâm Viên